

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ KIẾN TƯỜNG
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2020/HSST

Ngày: 25/9/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ KIẾN TƯỜNG, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn V Khanh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trần Thị N Anh

2. Ông Đào Văn Hùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thùy – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường.

- Đại D Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kiến Tường tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị N Huyền – Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 27/2020/TLST- HS ngày 07 tháng 9 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2020/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 9 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Đình L, sinh năm 1997; Nơi cư trú: Ấp B, xã B, huyện H, tỉnh Long An; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 8/12; nghề nghiệp: Làm ruộng; Con ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1972 (đã chết) và bà Trần Thị Thu H, sinh năm 1977; có vợ Tô Thị N H, sinh năm 1999 và có một người con sinh năm 2018;

Tiền sự: Ngày 08/10/2019, bị Công an thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính số tiền 750.000 đồng về hành vi “sử dụng trái phép chất ma Ty” (Quyết định số: 49/QĐ-XPHC), đã chấp hành xong.

Tiền án: Không

Bị cáo được tại ngoại điều tra nay có mặt tại phiên tòa.

2. Vũ Nguyễn Q, sinh năm 1996; Nơi cư trú: Khu phố N, Phường M, thị xã K, tỉnh Long An; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 8/12; nghề nghiệp: Làm ruộng; Con ông V Mạnh T, sinh năm 1958 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1967;

Tiền sự: Vào ngày 23/8/2019, bị Công an Phường 1, thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An xử phạt 750.000 đồng về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma Ty” (Quyết định số: 01/QĐ-XPHC), chưa chấp hành xong.

Tiền án: không.

Ngoài ra, ngày 02/12/2019 bị Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Long An khởi tố vụ án và ngày 13/4/2020 bị khởi tố bị can đối với Vũ Nguyễn Q về tội “Lưu hành tiền giả” quy định tại khoản 1, Điều 107 Bộ luật hình sự. Vụ án đang được Tòa án thụ lý chờ xét xử.

Bị cáo được tại ngoại điều tra nay có mặt tại phiên tòa.

- Người bị hại:

Ông Nguyễn Trường V, sinh năm 1996; (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp B, xã T, thị xã K, tỉnh Long An.

Ông Nguyễn Nhật B, sinh năm 1996; (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp M, xã T, huyện H, tỉnh Long An.

Ông Châu Quốc T, sinh năm 1999; (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp M, xã T, thị xã K, tỉnh Long An.

Ông Bùi Chí D, sinh năm 1996; (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp C, xã T, thị xã K, tỉnh Long An.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Nguyễn Nhật B, sinh năm 1996; (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp M, xã T, huyện H, tỉnh Long An.

Ông Đỗ Nguyễn Quốc K, sinh năm 1994; (vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố H, Phường M, thị xã K, tỉnh Long An.

Bà Lâm Thị L, sinh năm 1962; (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp B, xã T, thị xã K, tỉnh Long An.

Ông Nguyễn Hà C, sinh năm 1986; (vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố B, phường M, thị xã K, tỉnh Long An.

Ông Nguyễn Khắc P, sinh năm 1995; (vắng mặt)

Khu phố B, phường M, thị xã K, tỉnh Long An;

Bà Trần Thị Tuyết T, sinh năm 1983; (vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố N, Phường M, thị xã K, tỉnh Long An.

- Người làm chứng:

Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1997; (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp R, xã V, huyện V, tỉnh Long An.

Bà Nguyễn Thị Bảo N, sinh năm 1999; (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp H, xã M, huyện C, tỉnh Kiên Giang.

Ông Trần Văn P, sinh năm 1995; (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã B, thị xã K, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Đình L, sinh năm: 1997, hộ khẩu thường trú: ấp B, xã B, huyện H, tỉnh Long An và Nguyễn Trường V, sinh năm: 1996, hộ khẩu thường trú: ấp B, xã T, thị xã K, tỉnh Long An; Nguyễn Nhật B, sinh năm: 1996, hộ khẩu thường trú: ấp M, xã T, huyện H, tỉnh Long An, chỗ ở: ở trọ tại khu phố M, phường B, thị xã K, tỉnh Long An; Châu Quốc T, sinh năm: 1999, hộ khẩu thường trú: Ấp M, xã T, thị xã K, tỉnh Long An và Bùi Chí D, sinh năm: 1996, hộ khẩu thường trú: ấp C, xã T, thị xã K, tỉnh Long An là bạn bè quen biết với nhau. Từ khoảng tháng 10/2019 đến tháng 11/2019, L đã 04 lần thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt xe mô tô của V, B, T và D. Trong đó, Vũ Nguyễn Q, sinh năm: 1996, hộ khẩu thường trú: Khu phố N, Phường M, thị xã K, tỉnh Long An cùng thực hiện với L 01 lần, cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Vào khoảng 10 giờ ngày 17/10/2019, Nguyễn Đình L sau khi mượn xe mô tô hiệu Exciter của B đã nảy sinh ý định cầm cổ xe của B. L

đến nhà của Q nhờ Q đi cầm xe dùm, Q đồng ý. Q cùng L điều khiển xe của B tìm nơi để cầm xe nhưng không cầm được. Khoảng 30 phút sau, B điện thoại cho L đòi lại xe. Do không có chỗ cầm xe nên L kêu Q điện thoại cho V xuống chơi để trả xe cho B và lấy xe V đi cầm, Q đồng ý nên điện thoại cho V. Đến khoảng 11 giờ cùng ngày, V điều khiển xe mô tô hiệu Honda Winner, biển kiểm soát 62U1- 055.57 xuống nhà Q chơi. Khoảng 05 phút sau, B điện thoại đòi xe nên L đem xe mô tô trả cho B. Lúc này, Q hỏi mượn xe của V nói đi rước L để V tin tưởng giao xe, V đồng ý. Sau đó, Q điều khiển xe của V đi theo L, sau khi L trả xe cho B, cả hai chạy xe của V đi cầm nhưng không cầm được nên đi qua nhà trọ của B để hỏi cầm xe. L và Q vào gặp B cầm xe mô tô của V số tiền 7.000.000 đồng. B đồng ý cầm xe nhưng đưa trước 4.000.000 đồng còn 3.000.000 đồng đưa sau, L và Q đồng ý. Số tiền cầm xe, Q đưa cho L 3.000.000 đồng, Q giữ 1.000.000 triệu đồng, cả hai chơi game bắn cá thua hết tiền. Đến khoảng 16 giờ cùng ngày, Q qua gặp B lấy 3.000.000 đồng còn lại. Sau đó, Q đưa cho L 2.500.000 đồng, cả hai tiếp tục chơi game bắn cá và tiêu xài cá nhân hết. Do sau khi đem xe của V cầm cố, Q đến nhà của Đỗ Nguyễn Quốc K, sinh năm: 1994, hộ khẩu thường trú: khu phố H, Phường M, thị xã K, tỉnh Long An để trốn. Tại đây, Q nói đã cầm xe của V 10.000.000 đồng cho K nghe. Đến khoảng 09 giờ ngày 18/10/2019, K nhắn tin cho V biết xe của V bị cầm 10.000.000 đồng, đồng thời kêu V đưa tiền để K đi chuộc xe về dùm. V nói với mẹ ruột là bà Lâm Thị L, sinh năm: 1962, hộ khẩu thường trú: ấp B, xã T, thị xã K, tỉnh Long An (là chủ sở hữu xe mô tô giao xe cho V sử dụng) biết và đưa tiền cho K đi chuộc xe về dùm và cho K 1.000.000 đồng tiền công. Sau đó, K và Q đi gặp B để chuộc xe, lúc này K mới biết xe cầm 7.000.000 đồng nên K đưa B 7.000.000 đồng tiền cầm xe và 1.000.000 đồng tiền lãi, còn lại K đưa Q 1.600.000 đồng, K giữ 400.000 đồng. Số tiền K đưa, Q đưa lại cho L 800.000 đồng. Cả hai tiêu xài cá nhân hết. Sau đó, V đến cơ quan Công an trình báo hành vi của Q và L.

Tang vật tạm giữ: 01 xe mô tô hiệu Honda Winner, màu đen đỏ, biển kiểm soát 62U1-055.57. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Kiến Tường đã trả lại xe cho bị hại.

Tại bản kết L định giá tài sản số: 32/KL-HĐ-ĐGTS ngày 25/10/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự kết L: Tài sản 01 xe mô tô hiệu Honda Winner, biển kiểm soát 62U1-055.57, số khung 2606GY202176, số máy KC26E1004704, xe đã qua sử dụng, giá trị còn lại của xe là 32.193.000 đồng.

Trách nhiệm dân sự: Gia đình bị hại yêu cầu L và Q bồi thường 10.000.000 đồng tiền chuộc xe, L và Q chưa bồi thường.

Lần thứ hai: Vào khoảng 16 giờ ngày 21/10/2019, do không có tiền tiêu xài nên L nảy sinh ý định chiếm đoạt xe mô tô của B để cầm cố lấy tiền tiêu xài cá nhân. L điện thoại cho B hỏi ở đâu để L đến gặp. B cho L biết đang ở quán Mệt thuộc khu phố B, phường M, thị xã K, tỉnh Long An. Tại quán, gồm có B cùng với Nguyễn Thị K, sinh năm: 1997, hộ khẩu thường trú: ấp Rọc Năng, xã Vĩnh Châu A, huyện Tân Hưng, tỉnh Long An và Nguyễn Thị Bảo N, sinh năm: 1999, hộ khẩu thường trú: Ấp H, xã M, huyện C, tỉnh Kiên Giang. L đến gặp B và hỏi mượn xe B nói đi rước bạn chút quay lại trả xe, B đồng ý đưa xe mô tô hiệu Honda, biển kiểm soát 62N1- 1282 cho L mượn. Sau khi lấy xe, L chạy xe

đến nhà của Nguyễn Hà C, sinh năm: 1986, hộ khẩu thường trú: khu phố B, phường M, thị xã K, tỉnh Long An cầm cổ với số tiền 5.000.000 đồng đem qua Campuchia đánh bạc thua hết tiền. Sau đó, L nhắn tin cho B biết xe đã đem đi cầm. Đến sáng ngày 24/10/2019 do không có tiền tiêu xài, L đến gặp C để nâng số tiền cầm xe của B lên nhưng C không đồng ý. Để có tiền tiêu xài, L nhờ Nguyễn Khắc P (tên gọi khác: Cá Lóc), sinh năm: 1995, hộ khẩu thường trú: khu phố B, phường M, thị xã K, tỉnh Long An nói với C lấy xe đem đi cầm, C đồng ý. Sau đó, P đem xe mô tô biển kiểm soát 62N1-1282 của B qua Campuchia cầm cổ cho người tên Thi số tiền 7.000.000 đồng, trả lãi trước 350.000 đồng. Sau khi cầm xong, P đưa tiền cho Trần Thị Tuyết T, sinh năm: 1983, hộ khẩu thường trú: Khu phố N, Phường M, thị xã K, tỉnh Long An vào lấy 5.000.000 đồng về đưa cho C và cho T 200.000 đồng tiền công. Đến khoảng 13 giờ cùng ngày, P đem tiền về cho L 1.350.000 đồng (sau khi trừ chi phí đi lại 100.000 đồng) còn lại L chơi game bắn cá thua hết. Sau đó, L nhắn tin cho B biết là xe đã đem sang Campuchia cầm cổ 7.000.000 đồng và hứa sẽ chuộc xe trả lại. Đến ngày 28/10/2019 không thấy L chuộc xe trả lại nên B qua Campuchia chuộc lại xe và trình báo Cơ quan công an giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại bản kết L định giá tài sản số: 33/KL-HĐ-ĐGTS ngày 05/11/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự kết L: Tài sản 01 xe mô tô hiệu Honda, biển kiểm soát 62N1-1282, số khung 5057Y-825257, số máy C35E-2041142, xe đã qua sử dụng, giá trị còn lại của xe là 21.973.000 đồng.

Trách nhiệm dân sự: Bị hại B yêu cầu L bồi thường 7.000.000 triệu đồng tiền chuộc xe, L chưa bồi thường.

Lần thứ ba: Vào khoảng 10 giờ ngày 27/10/2019, Nguyễn Đình L đang ngồi nói chuyện với Trần Văn P, sinh năm: 1995, hộ khẩu thường trú: Ấp T, xã B, thị xã K, tỉnh Long An tại nhà vợ của P thuộc Khu phố N, Phường M, thị xã K, tỉnh Long An thì Châu Quốc T gọi điện thoại cho P để rủ đi uống nước. Lúc này, L nảy sinh ý định sẽ mượn xe của T để cầm cổ lấy tiền tiêu xài. T điều khiển xe mô tô hiệu Honda Wave, biển kiểm soát 62U1- 116.66 đến rước P và L qua quán 126 thuộc khu phố M, phường B, thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An. Khi T đến quán thì L hỏi mượn xe của T nói đi công chuyện chút quay lại trả xe và được T đồng ý. Sau đó, L đem xe của T qua Campuchia cầm cổ cho người tên Thi số tiền 15.000.000 đồng. Số tiền cầm xe, L đánh bạc thua hết tiền. Sau đó, L nhắn tin cho T biết là xe đã đem cầm và hứa sẽ chuộc xe trả lại. Đến ngày 28/10/2019, không thấy L chuộc xe trả lại, T làm đơn tố cáo hành vi của L.

Tang vật không thu giữ được: 01 xe mô tô hiệu Honda Wave, biển kiểm soát 62U1-116.66 do L đem qua Campuchia cầm không thu giữ được.

Tại bản kết L định giá tài sản số: 40/KL-HĐ-ĐGTS ngày 11/12/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự kết L: Tài sản 01 xe mô tô hiệu Honda Wave, biển kiểm soát 62U1-116.66, số khung 3914KY119396, số máy JA39E0975825, xe đã qua sử dụng, giá trị còn lại của xe là 20.986.500 đồng.

Trách nhiệm dân sự: Bị hại T yêu cầu L bồi thường giá trị xe mô tô là 20.986.500 đồng, L chưa bồi thường.

Lần thứ tư: Vào khoảng 19 giờ 30 phút ngày 19/11/2019, Nguyễn Đình L đang ngồi chơi game ở Phường B, thị xã K thấy Bùi Chí D điều khiển xe mô tô

biển kiểm soát 62D1- 023.25 đến tiệm game chơi. L hỏi D cho mượn xe mô tô biển kiểm soát 62D1- 023.25 để đi mượn tiền, D đồng ý đưa xe cho L mượn. Sau đó, L đi qua Phường 1, thị xã Kiến Tường để mượn tiền nhưng không có ai cho mượn nên L đem xe về trả cho D. Lúc này, L nhờ D đưa L qua gần quán karaoke 180 thuộc khu phố B, phường M, thị xã K, D đồng ý. Trên đường đi, L nảy sinh ý định lấy xe của D đem cầm cố nên khi qua gần quán karaoke 180, L hỏi mượn xe của D nói đi đến nhà vợ để xin tiền mẹ vợ để cho D tin tưởng cho mượn xe, D đồng ý. L kêu D xuống xe đứng đợi L. Sau đó, L chạy xe mô tô biển kiểm soát 62D1- 023.25 của D qua Campuchia cầm cố xe cho người tên Thi số tiền 8.000.000 đồng. Số tiền cầm xe, L đánh bạc thua hết tiền. Sau khi thua hết tiền, L nhắn tin cho D biết và hứa sẽ chuộc xe trả lại. Đến ngày 21/11/2019, không thấy L chuộc xe trả lại, D làm đơn tố cáo hành vi của L.

Tang vật không thu giữ được: 01 xe mô tô hiệu Honda Wave, biển kiểm soát 62D1-023.25 do L đi qua Campuchia cầm không thu giữ được.

Tại bản kết L định giá tài sản số: 41/KL-HĐ-ĐGTS ngày 16/12/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự kết L: Tài sản 01 xe mô tô hiệu Honda Wave, biển kiểm soát 62D1-023.25, số khung 1203BY232237, số máy HC12E3032270, xe đã qua sử dụng, giá trị còn lại của xe là 8.641.500 đồng.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại D yêu cầu bồi thường giá trị xe mô tô là 8.641.500 đồng, L chưa bồi thường.

Tại kết L giám định pháp y T thần số: 1289/BBGNQTGD ngày 16/6/2020 của Trung T pháp y T thần khu vực Thành phố Hồ Chí Minh kết L: 1. Kết L: 1.1 Về y học: Trước, trong và sau khi thực hiện hành vi phạm tội, bị can Nguyễn Đình L T thần B thường/ Tiền sử ghi nhận có sử dụng chất kích thích dạng gây hại (F15.1-ICD10). 1.2 Về khả năng nhận thức và điều khiển hành vi: Trước, trong và sau khi thực hiện hành vi phạm tội, bị can Nguyễn Đình L đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi; 2. Ý kiến khác: Việc đánh giá năng lực trách nhiệm hình sự không thuộc trách nhiệm trả lời của Giám định viên.

Bị cáo Nguyễn Đình L thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác 04 lần, mỗi lần trên 2.000.000 đồng nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng “phạm tội 02 lần trở lên”, bị can L được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ “Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải”. Bị cáo Vũ Nguyễn Q được áp dụng tình tiết giảm nhẹ “phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải”. Ngoài ra, Q có bà nội là người có công với cách mạng.

Tại bản cáo trạng số 26/CT-VKSKT ngày 03/9/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An đã truy tố các bị cáo Nguyễn Đình L về tội “lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại Điểm c, Khoản 2, Điều 174 và bị cáo Vũ Nguyễn Q về tội “lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại Khoản 1, Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại D Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kiến Tường giữ nguyên cáo trạng đã truy tố đối với các bị cáo và đề nghị: Kết L hành vi của bị cáo Nguyễn Đình L phạm tội “lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại Điểm c, Khoản 2, Điều 174 và bị cáo Vũ Nguyễn Q phạm tội “lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại Khoản 1, Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Về hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Đình L đề nghị áp dụng Điều 17, Điều 38, Điều 50, Điều 58 và các Điểm s, Khoản 1, Điều 51, Điểm g, Khoản 1, Điều 52 Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Nguyễn Đình L từ 03 năm đến 04 năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Về hình phạt đối Vũ Nguyễn Q, đề nghị áp dụng Điều 17, Điều 38, Điểm i, s, Khoản 1, Khoản 2, Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Xử phạt bị cáo Vũ Nguyễn Q từ 09 tháng đến 01 năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, không nghề nghiệp ổn định nên đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về vật chứng: Đã trả lại cho chủ sở hữu nên không xem xét.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại V yêu cầu L và Q bồi thường tiền chuộc xe, bị hại B yêu cầu L bồi thường 7.000.000 đồng tiền chuộc xe, bị hại T và D yêu cầu L bồi thường giá trị xe. Căn cứ Điều 584, 585, 586, 587 và 589 BLDS đề nghị buộc L và Q liên đới bồi thường cho V 10.000.000 đồng tiền chuộc xe, buộc L bồi thường cho B 7.000.000 đồng tiền chuộc xe, buộc L bồi thường T và D giá trị xe mô tô là 20.986.500 đồng và 8.641.500 đồng.

Đối với việc L mượn xe mô tô của Nguyễn Nhật B vào ngày 17/10/2020, sau đó L và Q đi kiểm chỗ cầm xe của B nhưng khi B đòi xe lại thì L đã đem xe trả lại cho B nên chưa đủ cơ sở xem xét trách nhiệm hình sự đối với L và Q về hành vi này.

Đối với Nguyễn Nhật B có nhận cầm xe mô tô biển kiểm soát 62U1-055.57 của V do L và Q chiếm đoạt nhưng B không biết xe là do L và Q phạm tội mà có nên không xem xét trách nhiệm liên quan.

Đối với Đỗ Nguyễn Quốc K sau khi Q nói cho biết đã cầm xe của V 10.000.000 đồng và K nói với gia đình V đưa tiền đi chuộc xe dùm mà không tố giác hành vi của Q, nhưng hành vi của Q chỉ cấu thành tội phạm theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự, nên hành vi của K chưa cấu thành tội “không tố giác tội phạm” theo quy định tại điều 390 Bộ luật hình sự, hơn nữa hiện nay K không có mặt tại địa phương nên tách ra vụ việc xử lý hành chính riêng là phù hợp, không xem xét trong vụ án này. Riêng số tiền công K đi chuộc xe được bà Lâm Thị L cho 1.000.000 đồng và Q cho 400.000 đồng là của những người này tự nguyện cho K nên không xem xét buộc phải trả lại.

Đối với hành vi Q nói với Đỗ Nguyễn Quốc K cầm xe của V 10.000.000 đồng không nhằm mục đích đưa thông tin giả để K nói với gia đình V chuộc xe nhằm chiếm đoạt tiền chuộc xe dư ra, việc K liên hệ với gia đình V lấy tiền chuộc xe Q không biết. Việc Q kêu K đưa 1.600.000 đồng vì nghĩ tiền của K cho mượn nên không xem xét trách nhiệm của Q đối với số tiền trên trong vụ án này.

Đối với Nguyễn Hà C cầm xe mô tô biển kiểm soát 62N1- 1282 từ L nhưng không biết xe là do L phạm tội mà có và Nguyễn Khắc P đem xe mô tô biển kiểm soát 62N1- 1282 sang Campuchia cầm dùm cho L nhưng không biết xe là do L phạm tội mà có, hơn nữa P cũng không có hưởng lợi gì nên không có đủ cơ sở đề cập xem xét trách nhiệm liên quan đối với C và P.

Đối với Trần Thị Tuyết T có vào Campuchia lấy tiền do P cầm xe mô tô dùm L về đưa cho C và được P trả tiền công 200.000 đồng, nhưng T không biết tiền là do cầm xe phạm tội mà có nên không xem xét trách nhiệm liên quan.

Đối với người Campuchia cầm xe mô tô do L lừa đảo mà có, xét thấy việc cầm xe xảy ra bên Campuchia nên không xem xét trong vụ án này.

Các bị cáo nói lời nói sau cùng, bị cáo ăn năn, hối cải và xin xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nội dung bản cáo trạng, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng cùng các tài liệu, chứng cứ khác của vụ án nên có cơ sở xác định: Khoảng tháng 10/2019, Nguyễn Đình L do không có tiền tiêu xài đã nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác để lấy tiền tiêu xài cá nhân. Từ ngày 17/10/2019 đến ngày 19/11/2019, tại địa bàn thị xã Kiến Tường, L đã lừa đảo chiếm đoạt xe mô tô của các bị hại Nguyễn Trường V xe mô tô biển kiểm soát 62U1-055.57 có giá trị 32.193.000 đồng, Nguyễn Nhật B xe mô tô biển kiểm soát 62N1-1282 có giá trị 21.973.000 đồng, Châu Quốc T xe mô tô biển kiểm soát 62U1-116.66 có giá trị 20.986.500 đồng và Bùi Chí D xe mô tô biển kiểm soát 62D1-023.25 có giá trị 8.641.500 đồng. Như vậy L chiếm đoạt 04 xe mô tô có tổng giá trị là 83.794.000 đồng và tiêu xài cá nhân. Trong đó, Vũ Nguyễn Q cùng với L thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt xe mô tô biển kiểm soát 62U1-055.57 của V có giá trị 32.193.000 đồng nên Q phải chịu trách nhiệm hình sự đối với xe này. Những vụ khác do L một mình thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác, Q không tham gia nên không xem xét.

[2] Trong vụ án chiếm đoạt xe mô tô biển kiểm soát 62U1-055.57 của V, L là người khởi xướng rủ Q mượn xe của V đi cầm, Q là người trực tiếp mượn xe của V sau đó cùng với L đem đi cầm nên cả hai có vai trò là người thực hành. Tuy nhiên, giữa L và Q không có bàn bạc và phân công cụ thể vai trò từng người nên hành vi của L và Q là đồng phạm giản đơn, không xem xét tính tổ chức.

[3] Như vậy, hành vi của bị cáo Nguyễn Đình L đã phạm vào tội “lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại Điểm c, Khoản 2, Điều 174 và hành vi của bị cáo Vũ Nguyễn Q đã phạm vào tội “lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại Khoản 1, Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là đúng như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An truy tố các bị cáo.

[4] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo L và bị cáo Q được xem xét như sau: Đối với bị cáo L hành vi phạm tội của bị cáo thực hiện từ hai lần trở lên nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội nhiều lần quy định tại Điểm g, Khoản 1, Điều 52 của Bộ luật hình sự; Về tình tiết giảm nhẹ thì bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải quy định tại Điểm s, Khoản 1, Điều 51 Bộ luật Hình sự; Về nhân thân thì bị cáo không có tiền án nhưng có một tiền sự. Đối với bị cáo Q thì không có tình tiết tăng nặng; Về tình tiết giảm nhẹ thì bị cáo phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải quy định tại Điểm i, s,

Khoản 1, Điều 51 của Bộ luật hình sự; Ngoài ra, Q có bà nội là người có công với cách mạng thuộc trường hợp quy định tại Khoản 2, Điều 51 của Bộ Luật hình sự; Về nhân thân thì bị cáo không có tiền án, nhưng có một tiền sự.

[5] Xét hành vi tính chất mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo thấy rằng: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác mà pháp luật hình sự nghiêm cấm, làm ảnh hưởng đến tình hình trị an tại địa phương hiện nay, bản thân các bị cáo là người đã trưởng thành và nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật, nhưng vẫn cố ý thực hiện nên cần phải áp dụng một hình phạt tù có thời hạn mới tương xứng với hành vi của các bị cáo và có đủ tác dụng giáo dục đồng thời mang tính phòng ngừa C cho xã hội; Do đó, đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kiến Tường về hình phạt đối với các bị cáo là có căn cứ chấp nhận.

[6] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, không có nghề nghiệp ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo là phù hợp.

[7] Về vật chứng không thu giữ được: 01 xe mô tô hiệu Honda Wave, biển kiểm soát 62U1-116.66 do L đem qua Campuchia cầm không thu giữ được; 01 xe mô tô hiệu Honda Wave, biển kiểm soát 62D1-023.25 do L đi qua Campuchia cầm không thu giữ được. Về vật chứng thu giữ được: 01 xe mô tô hiệu Honda, biển kiểm soát 62N1-1282, số khung 5057Y-825257, số máy C35E-2041142, xe đã qua sử dụng và 01 xe mô tô hiệu Honda Winner, màu đen đỏ, biển kiểm soát 62U1-055.57 đã qua sử dụng, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Kiến Tường đã trả lại xe cho bị hại xong.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại V yêu cầu L và Q bồi thường tiền chuộc xe, bị hại B yêu cầu L bồi thường 7.000.000 đồng tiền chuộc xe, bị hại T và D yêu cầu L bồi thường giá trị xe. Căn cứ Điều 584, 585, 586, 587 và 589 BLDS buộc L và Q liên đới bồi thường cho V 10.000.000 đồng tiền chuộc xe, buộc L bồi thường cho B 7.000.000 đồng tiền chuộc xe, buộc L bồi thường T và D giá trị xe mô tô là 20.986.500 đồng và 8.641.500 đồng là phù hợp với quy định của pháp luật.

[9] Đối với việc L mượn xe mô tô của Nguyễn Nhật B vào ngày 17/10/2020, sau đó L và Q đi kiểm chỗ cầm xe của B nhưng khi B đòi xe lại thì L đã đem xe trả lại cho B nên chưa đủ cơ sở xem xét trách nhiệm hình sự đối với L và Q về hành vi này.

[10] Đối với Nguyễn Nhật B có nhận cầm xe mô tô biển kiểm soát 62U1-055.57 của V do L và Q chiếm đoạt nhưng B không biết xe là do L và Q phạm tội mà có nên không xem xét trách nhiệm liên quan.

[11] Đối với Đỗ Nguyễn Quốc K sau khi Q nói cho biết đã cầm xe của V 10.000.000 đồng và K nói với gia đình V đưa tiền đi chuộc xe dùm mà không tố giác hành vi của Q, nhưng hành vi của Q chỉ cấu thành tội phạm theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự, nên hành vi của K chưa cấu thành tội “không tố giác tội phạm” theo quy định tại điều 390 Bộ luật hình sự, hơn nữa hiện nay K không có mặt tại địa phương nên tách ra vụ việc xử lý hành chính riêng là phù hợp, không xem xét trong vụ án này. Riêng số tiền công K đi chuộc xe được bà Lâm Thị L cho 1.000.000 đồng và Q cho 400.000 đồng là của những người này tự nguyện cho K nên không xem xét buộc phải trả lại.

[12] Đối với hành vi Q nói với Đỗ Nguyễn Quốc K cầm xe của V 10.000.000 đồng không nhằm mục đích đưa thông tin giả để K nói với gia đình V chuộc xe nhằm chiếm đoạt tiền chuộc xe dư ra, việc K liên hệ với gia đình V lấy tiền chuộc xe Q không biết. Việc Q kêu K đưa 1.600.000 đồng vì nghĩ tiền của K cho mượn nên không xem xét trách nhiệm của Q đối với số tiền trên trong vụ án này.

[13] Đối với Nguyễn Hà C cầm xe mô tô biển kiểm soát 62N1- 1282 từ L nhưng không biết xe là do L phạm tội mà có và Nguyễn Khắc P đem xe mô tô biển kiểm soát 62N1- 1282 sang Campuchia cầm dùm cho L nhưng không biết xe là do L phạm tội mà có, hơn nữa P cũng không có hưởng lợi gì nên không có đủ cơ sở đề cập xem xét trách nhiệm liên quan đối với C và P.

[14] Đối với Trần Thị Tuyết T có vào Campuchia lấy tiền do P cầm xe mô tô dùm L về đưa cho C và được P trả tiền công 200.000 đồng, nhưng T không biết tiền là do cầm xe phạm tội mà có nên không xem xét trách nhiệm liên quan.

[15] Đối với người Campuchia cầm xe mô tô do L lừa đảo mà có, xét thấy việc cầm xe xảy ra bên Campuchia nên không xem xét trong vụ án này.

[16] Án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự và Dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[17] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử: Căn cứ theo hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa thì các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đều tuân thủ đúng quy định bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điểm c, Khoản 2, Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Đình L phạm tội “lừa đảo chiếm đoạt tài sản”;

Căn cứ vào Điều 17, Điều 38, Điều 50, Điều 58 và Điểm g, Khoản 1, Điều 52, Điểm s, Khoản 1, Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Xử phạt bị cáo Nguyễn Đình L 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Căn cứ vào Khoản 1, Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Tuyên bố: Bị cáo Vũ Nguyễn Q phạm tội “lừa đảo chiếm đoạt tài sản”;

Căn cứ vào Điều 17, Điều 38, Điều 50, Điều 58 và các Điểm i, s, Khoản 1, Khoản 2, Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Xử phạt bị cáo Vũ Nguyễn Q 09 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 166, 584, 585, 586, 587, 589 Bộ luật Dân sự; Buộc bị cáo Nguyễn Đình L và bị cáo Vũ Nguyễn Q liên đới bồi thường cho bị hại Nguyễn Trường V số tiền là 10.000.000 đồng; Buộc bị cáo Nguyễn Đình L bồi thường cho các bị hại Nguyễn Nhật B số tiền là 7.000.000 đồng, Châu Quốc T số tiền là 20.986.500 đồng, Bùi Chí D số tiền là 8.641.500 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án bên có nghĩa vụ chưa thi hành số tiền trên thì phải thi hành toàn bộ số tiền còn phải thi hành và khoản tiền lãi trên số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của BLDS tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành.

Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Buộc các bị cáo Nguyễn Đình L, Vũ Nguyễn Q mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và bị cáo Nguyễn Đình L phải chịu 2.081.000đ án phí Dân sự, bị cáo Vũ Nguyễn Q phải chịu 250.000đ án phí Dân sự sung công quỹ nhà nước.

Căn cứ vào Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự, bị cáo có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án là 05 năm theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND Tx.Kiến Tường;
- Công an Tx.Kiến Tường;
- Chi cục THADS Tx.Kiến Tường;
- UBND xã B Hòa Tây, MH, LA;
- UBND Phường 1, Tx.KT, LA
- Sở Tư pháp;
- Bị cáo;
- Người TGTT khác;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn V Khanh

